TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày: 19-09-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Bà Phạm Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2023/TLST-HS ngày 04/08/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Như H. A, sinh năm 2005 tại xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Như L và bà Ngô Thị L1. Tiền án : Không ; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16 ngày 12/11/2022, Công an huyện Thanh Hà xử phạt H. A về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền 1.500.000đ.

Bi cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2023, chuyển tạm giam từ ngày 31/5/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 2005 tại xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Song Động, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L2 và con bà Phạm Thị H; Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi

cư trú. Có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Hữu P, sinh ngày 02/1/2006 tại xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ; nơi cư trú : Thôn T, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Học sinh ; trình độ văn hoá : 11/12 ; dân tộc: Kinh ; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Th; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo P: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969; nơi cư trú : Thôn T, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo P : Bà Nguyễn Thị Chi- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/10/2006 ; nơi cư trú : Thôn A1, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh T : Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn A1, xã T1, huyện T1 Dương. Xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Duy H.

2. Anh Phạm Xuân V.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Như H. A, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Văn L có quan hệ xã hội bạn bè và quen biết với anh Nguyễn Văn T. Khoảng 14 giờ ngày 24/5/2023, P rủ H. A, L đi bộ đến nhà anh T để lấy điện thoại do anh T mượn, H. A, L đồng ý. Khi đi đến nhà văn hoá thôn A1, xã T1 gần khu vực nhà anh T, H. A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H. A hỏi P: Chiếc xe máy điện có bán được, có mở được khoá không? P trả lời khoá mở được, bán được. H. A bảo P : Mày vào lấy điện thoại tiện xem chìa khoá để đâu thì lấy luôn, P đồng ý. Do P sợ T đòi áo mượn trước đó nên H. A bảo L vào lấy điện thoại của P, có chìa khoá xe điện thì lấy luôn. H. A chờ ở ngoài sân. L đồng ý, đi vào thấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu VINATHAI, loại X Men màu đỏ đen BKS 34MĐ1-586.69 dựng ngoài sân. L đi vào trong nhà thấy T bảo T trả điện thoại cho P, T nói là P trả áo thì T trả điện thoại. Trong khi nói chuyện với T, L quan sát nơi để chìa khoá xe điện đặt trên mặt quạt hơi nước. Do trong nhà T có T và em T nên L sợ bị phát hiện không lấy được chìa khoá. L đi ra ngoài gặp H. A, P nói không lấy được điện thoại, nhìn chìa khoá xe điện đặt trên mặt quạt hơi nước. L nói với P vào lấy điện thoại, lấy được chìa khoá thì ném ra ngoài. P đồng ý, bảo H. A, L : Tí nữa vẫy tay thì vào. Sau đó, P đi vào nhà T lấy điện thoại của P, còn

H. A và L đứng chờ phía bên ngoài. Khoảng 5 phút sau, P vẫy tay cho H. A, L biết để đi vào sân. H. A bỏ dép đi vào sân, L đứng bên ngoài, dùng chân đá dép của H. A ra cổng mục đích khi lấy được xe xong thì H. A đi luôn và quan sát xung quanh. H. A vào sân quan sát không thấy ai nên dắt chiếc xe máy điện nêu trên đi ra ngoài cổng, lấy dép để ở cổng. H. A, L, P cất giấu chiếc xe máy điện tại đoạn bụi chuối ở thôn X, xã T2, huyện Thanh Hà và mượn chìa khoá xe của nam thanh niên đi đường mở khoá xe máy. H. A chở P, L đi tìm nơi bán xe, tuy nhiên do xe không có giấy tờ nên chưa bán được. Khi đang điều khiển xe tìm nơi để bán thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Hà bắt quả tang.

Kết luận định giá tài sản số 21/KL- HĐĐGTS ngày 26/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận: Chiếc xe máy điện có đặc điểm nhãn hiệu VINATHAI, màu sơn đỏ đen, BKS 34MĐ1-586.69, số máy HFT60V800WWY1210100385, số khung RL7YJEKL7MNF00577, loại xe X-MEN, mua năm 2021 có giá trị 12.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSHD-TH ngày 03/08/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Đỗ Như H. A, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu P về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo H. A, L, P khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả.

Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xin xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo P trình bày: Nhất trí tội danh, điều luật Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo P là người chưa thành niên, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 BLHS. Cho bị cáo P được hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Như H. A, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu P phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H. A. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS đối với bị cáo L. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101 BLHS đối với bị cáo P. Xử phạt H. A từ 12- 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2023: Xử phạt L từ 09- 12 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án; P từ 5- 7 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án. Về hình phạt bổ sung không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe, không yêu cầu đề nghị gì, không đặt ra giải quyết. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/5/2023, tại sân nhà anh Nguyễn Văn T ở thôn A1, xã T1, huyện Thanh Hà các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu VINATHAI, màu sơn đỏ đen, BKS 34MĐ1-586.69, trị giá 12.000.000đ của anh T mục đích để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Các bị cáo nhận thức hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo H. A từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp nhưng không lấy đó làm bài học, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tách dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

Đối với bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên nên được hưởng chính sách khoan hồng đối với người chưa thành niên. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Trong khi đó, bị cáo chỉ vì mải chơi, dẫn đến phạm tội. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Điều 96 Bộ luật hình sự áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo, nhằm đưa bị cáo vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục riêng phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, không có sự chuẩn bị trước, không có tổ chức cấu kết chặt chẽ của những người cùng thực hiện tội phạm. Đánh giá vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo H. A là người đề xuất đồng thời là người thực hành tích cực, bị cáo L là người giúp sức, giữ nhiệm vụ

cảnh giới vào lấy tài sản, bị cáo P là người giúp sức. Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xem xét để có mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo H. A là người đều xuất, xúi giục người chưa thành niên phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

Các bị cáo L, P không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo H. A, L không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng; bị cáo P là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đã chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Đỗ Như H. A.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản và khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 96, Điều 17, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Hữu P.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Như H. A, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Đỗ Như H. A 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2023.

- Bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính bắt thi hành án.

3. Áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trưởng giáo dưỡng đối với bị cáo

Nguyễn Hữu P trong thời hạn 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày bị cáo bị đưa đi trường giáo dưỡng.

4. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đỗ Như H. A, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng